

(Tiếp theo Công báo số 415 + 416)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	LÊ TỰ TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		78.100
26	LÊ VĂN SỸ	TRỌN ĐƯỜNG		158.800
27	MAI VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		70.800
28	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		70.800
29	NGUYỄN CÔNG HOAN	PHAN ĐĂNG LƯU	TRẦN KẾ XƯƠNG	92.600
		TRẦN KẾ XƯƠNG	PHAN XÍCH LONG	63.000
		PHAN XÍCH LONG	TRƯỜNG SA	136.100
30	NGUYỄN KIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		113.000
31	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	NGUYỄN KIỂM	PHAN XÍCH LONG	88.000
		PHAN XÍCH LONG	THÍCH QUẢNG ĐỨC	70.800
32	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		87.500
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		63.900
34	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	NGUYỄN VĂN TRỖI	97.600
		NGUYỄN VĂN TRỖI	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	74.900
35	NGUYỄN THUỘNG HIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		74.600
36	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	PHAN ĐÌNH PHÙNG	GIÁP QUẬN TÂN BÌNH	128.000
37	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		70.800
38	NGUYỄN VĂN ĐẬU	TRỌN ĐƯỜNG		84.800
39	NGUYỄN VĂN TRỖI	TRỌN ĐƯỜNG		217.800
40	NHIÊU TÚ	TRỌN ĐƯỜNG		64.500
41	PHAN ĐĂNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		159.700
42	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		171.000
43	PHAN TÂY HỒ	CÀM BÁ THUỐC	HẸM SỐ 63 PHAN TÂY HỒ	62.600
44	PHAN XÍCH LONG	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	PHAN ĐĂNG LƯU	140.500
		PHAN ĐĂNG LƯU	CÙ LAO	182.500
		CÙ LAO	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	173.800
45	PHÙNG VĂN CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		75.800
46	THÍCH QUẢNG ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		78.500
47	TRẦN CAO VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		78.500
48	TRẦN HỮU TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		92.600
49	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		149.700
50	TRẦN KẾ XƯƠNG	PHAN ĐĂNG LƯU	RANH BÌNH THẠNH	63.000
51	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		74.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52	TRƯỜNG QUỐC DUNG	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG DIỆU	100.200
		HOÀNG DIỆU	TRẦN HỮU TRANG	77.200
53	TRƯỜNG SA (VEN KÊNH NHIÊU LỘC THỊ NGHÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		131.900
54	HÔNG HÀ	RANH QUẬN TÂN BÌNH	HOÀNG MINH GIÁM	102.400
		HOÀNG MINH GIÁM	BÙI VĂN THÊM	90.700
55	PHỐ QUANG	RANH QUẬN TÂN BÌNH	ĐÀO DUY ANH	106.800
56	BÙI VĂN THÊM	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
57	ĐẶNG VĂN SÂM	TRỌN ĐƯỜNG		93.400

BẢNG 9**BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN TÂN BÌNH**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	70.900
2	ẤU CƠ	MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH - ẤU CƠ	VÒNG XOAY LÊ ĐẠI HÀNH	86.700
3	BA GIA	TRẦN TRIỆU LUẬT	LÊ MINH XUÂN	84.800
4	BA VÂN	LÊ MINH XUÂN	CUỐI ĐƯỜNG	72.000
5	BA VÌ	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ẤU CƠ	63.600
6	BẮC HẢI	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	63.600
7	BẠCH ĐĂNG 1	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÝ THƯỜNG KIỆT	78.000
8	BẠCH ĐĂNG 2	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ -BẠCH ĐĂNG 2	89.600
9	BẠNH VĂN TRẦN	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	99.000
10	BẦU BÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		67.300
11	BẦU CÁT	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	70.900
12	BẦU CÁT 1	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	117.600
13	BẦU CÁT 2	ĐÔNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	90.600
14	BẦU CÁT 3	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	72.300
15	BẦU CÁT 4	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	72.300
16	BẦU CÁT 5	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	72.300
17	BẦU CÁT 6	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	72.300
18	BẦU CÁT 7	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	72.300
19	BẦU CÁT 8	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	72.300
20	BẦY HIÊN	ẤU CƠ	ĐÔNG ĐEN	67.500
21	BẾ VĂN ĐÀN	ĐÔNG ĐEN	HỒNG LẠC	55.000
22	BẾN CÁT	HÈM 1129 LẠC LONG QUÂN	1017 LẠC LONG QUÂN	89.800
23	BÌNH GIÃ	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	72.300
24	BÙI THỊ XUÂN	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	60.200
25	CA VÂN THỊNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	82.500
26	TRẦN THỊ TRỌNG	HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIỀU LỘC	57.800
		VÕ THÀNH TRANG	ĐÔNG ĐEN	72.300
		PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	35.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGÃ 4 BẦY HIỀN	RANH QUẬN 3, QUẬN 10	127.500
28	CHÂN HUNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HOÀ NỐI DÀI	51.700
29	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	46.300
30	CHỈ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	58.200
31	CHỮ ĐÔNG TỬ	BÀNH VĂN TRẦN	VÂN CÔI	58.200
32	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	LĂNG CHA CÁ	102.600
33	CỪU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THỀ	88.200
34	CÙ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIỀN LÊ	62.700
35	DÂN TRÍ	NGHĨA HOÀ	KHAI TRÍ	67.300
36	DƯƠNG VĂN NGA	NGUYỄN BẠC	NGÔ THỊ THU MINH	75.700
37	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	89.800
38	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	57.100
39	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỮ ĐÔNG TỬ	57.100
40	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	65.300
41	ĐỎ SƠN	THẮNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	63.600
42	ĐÔNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	64.600
43	ĐÔNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	84.800
44	ĐÔNG ĐEN	TRƯỜNG CHINH	ẤU CỒ	84.800
45	ĐÔNG SƠN	VÂN CÔI	BÀ GIA	78.500
46	ĐÔNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THÁM	77.100
47	ĐÌNH ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
48	ĐƯỜNG A4	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	81.000
49	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		70.400
50	THÁI THỊ NHẠN	ẤU CỒ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	54.100
51	NGÔ THỊ THU MINH	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	88.700
52	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	THẦN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG C12	59.100
53	ĐƯỜNG C1	CỘNG HOÀ	NGUYỄN QUANG BÍCH	59.100
54	ĐƯỜNG C12	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	59.100
55	ĐƯỜNG C18	CỘNG HOÀ	HOÀNG KÊ VIÊM	74.200
56	TRẦN VĂN DANH	HÈM 235 ĐƯỜNG HOÀNG HOA THÁM	GIÁP BỜ RÀO SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	59.100
57	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	70.400
58	ĐƯỜNG C27	HÈM 58 NGUYỄN MINH HOÀNG	NGUYỄN BÁ TUYÊN (C29)	53.100
59	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIỀN LÊ	59.100
60	ĐƯỜNG D52	CỘNG HÒA	LÊ TRUNG NGHĨA	53.100
61	ĐƯỜNG SỐ 1	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	52.000
62	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 1	NI SƯ HUỲNH LIÊN	52.000
63	ĐƯỜNG SỐ 3	NI SƯ HUỲNH LIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	52.000
64	ĐƯỜNG SỐ 4	NI SƯ HUỲNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	52.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	ĐƯỜNG SỐ 5	NI SƯ HUỲNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	52.000
66	ĐƯỜNG SỐ 6	NI SƯ HUỲNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	52.000
67	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	NHÀ SỐ 30 ĐƯỜNG SỐ 1	52.000
68	BÙI THỂ MỸ	HÔNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	60.200
69	ĐỒNG ĐÀ	CUU LONG	TIỀN GIANG	74.200
70	GIẢI PHÔNG	THẮNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	63.600
71	GỖ CẨM ĐÈM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN QUANG	44.900
72	HẬU GIANG	THẮNG LONG	TRƯỜNG SƠN	83.900
73	HÀ BÁ TƯỚNG	TRƯỜNG CHÍNH	LÊ LAI	63.600
74	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THỀ	63.600
75	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	HÈM 1054 CÁCH MANG THÁNG 8	58.200
76	HÔNG HÀ	TRƯỜNG SƠN	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	89.600
77	HÔNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	VÕ THÀNH TRANG	76.200
		VÕ THÀNH TRANG	ÂU CƠ	63.600
78	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	TRẦN THỊ TRỌNG	33.700
79	HOÀNG HOA THÁM	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	106.200
		CỘNG HOÀ	RANH SÂN BAY	81.700
80	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	70.400
81	HOÀNG SA	LÊ BÌNH	GIÁP RANH QUẬN 3	80.000
82	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIÊN	137.800
83	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	114.300
84	HUNG HOÀ	CHÂN HUNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	33.500
85	HOÀ HIỆP	HIỆP NHẤT	LÊ BÌNH	57.100
86	HUỲNH LAN KHANH	PHAN ĐÌNH GIÓT	TƯỜNG RÀO QK7	88.200
87	HUỲNH TỊNH CỬA	SƠN HUNG	NGUYỄN TỬ NHA	61.700
88	HUỲNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	30.600
89	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	57.100
90	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	122.900
91	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HÔNG HÀ	95.100
92	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		71.500
93	LÊ DUY NHUẬN (C28)	THÉP MỚI	ĐƯỜNG A4	59.300
94	LÊ LAI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 291 TRƯỜNG CHÍNH	63.600
95	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 11 LÊ LAI	56.400
96	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	118.600
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VĂN CÔI	91.300
97	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHÍNH	NGUYỄN TỬ NHA	63.200
98	LÊ TÂN QUỐC	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	61.700
99	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	HOÀNG HOA THÁM	ĐƯỜNG A4	54.200
		ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	70.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
100	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	68.700
101	LÊ VĂN SỸ	LĂNG CHA CÁ	RANH QUẬN PHỦ NHUẬN	129.700
102	LỘC HÙNG	CHẤN HÙNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HÙNG	49.000
103	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HOÀ	54.100
104	LONG HUNG	BẾN CÁT	BÀ GIA	67.300
105	LƯU NHÂN CHỦ	PHẠM VĂN HAI	HÈM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	48.900
106	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGÃ 4 BẦY HIÊN	TRẦN TRIỆU LUẬT	157.200
		TRẦN TRIỆU LUẬT	RANH QUẬN 10	127.800
107	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	66.600
108	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
109	NGHĨA HÙNG	HÈM 35 NGHĨA PHÁT	HÈM 221/1 ĐẤT THÀNH VÀ HÈM 81/1 NGHĨA HÒA	47.000
110	NGHĨA HOÀ	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	54.100
111	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIẾT	BẾN CÁT	66.900
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRẦN	72.500
112	NGÔ BỆ	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	55.300
113	NGUYỄN BẠC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VĂN NGA	88.200
114	NGUYỄN BÁ TỔNG	TRƯỜNG CHÍNH	SƠN HÙNG	50.100
115	NGUYỄN BÁ TUYÊN (C29)	NGUYỄN MINH HOÀNG	LÊ DUY NHUẬN	61.700
116	NGUYỄN CẢNH DỊ	THĂNG LONG	NGUYỄN VĂN MẠI	65.300
117	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	TRẦN VĂN DANH	60.200
118	NGUYỄN HIÊN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	62.800
119	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHÍNH	ẤU CƠ	77.100
120	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	HOÀNG HOA THÁM	QUÁCH VĂN TUÂN	70.400
121	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	67.300
122	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHÍNH	KÊNH HY VỌNG	48.000
123	NGUYỄN QUANG BÍCH (B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	66.600
124	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHÍNH	PHẠM VĂN BẠCH	49.000
125	NGUYỄN THANH TUYÊN	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	HÈM 500 PHẠM VĂN HAI	57.800
126	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	95.500
127	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	70.400
128	NGUYỄN THỊ NHỎ	ẤU CƠ	THIÊN PHƯỚC	74.200
129	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VĂN CÔI	56.900
130	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	HÈM 5 NGUYỄN VĂN VĨNH	67.300
131	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	HÈM 429 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHỦ NHUẬN	112.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
132	NGUYỄN VĂN MẠI	TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	73.400
133	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	190.500
134	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TƯ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	48.700
135	NGUYỄN VĂN VĨNH	THĂNG LONG	NGUYỄN TRỌNG LỢI	69.400
136	NHẤT CHI MAI	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG C12	68.700
137	NỊ SƯ HUỲNH LIÊN	LẠC LONG QUÂN	HỒNG LẠC	67.500
138	NÚI THÀNH	ẤP BẮC	CỘNG HOÀ	70.900
139	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỐ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	56.900
140	PHẠM PHÚ THỨ	ĐƯỜNG BÀ Y HIÊN	ĐỒNG ĐEN	78.500
141	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	44.900
142	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	122.200
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	95.300
143	PHAN BÀ PHIẾN	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	70.400
144	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	59.700
145	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỐ QUANG	TRƯỜNG SƠN	101.100
146	PHAN SẢO NAM	BÀU CÁT	HỒNG LẠC	60.800
147	PHAN THỨC DUYỆN	THĂNG LONG	TRẦN QUỐC HOÀN	93.400
148	PHAN VĂN SỪU	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	68.700
149	PHỐ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUÊ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	91.600
150	PHÚ HOÀ	BÊN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	87.400
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	113.500
151	PHÚ LỘC	BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ SỐ 71/2A PHÚ LỘC	37.200
152	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	70.400
153	QUẢNG HIÊN	NĂM CHÂU	SƠN HUNG	58.200
154	SẦM SƠN	BA VÌ	ĐƯỜNG NỘI ĐƯỜNG TRẦN QUỐC HOÀN - CỘNG HÒA	73.400
155	SAO MAI	NHÀ SỐ 901 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRÂN	66.900
156	SÔNG ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		75.200
157	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		75.200
158	SÔNG NHUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		75.200
159	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐỒNG ĐA	75.200
160	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		75.200
161	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		48.700
162	SƠN HUNG	HUỲNH TỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	51.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
163	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	LÊ VĂN SỸ	100.700
164	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	63.200
165	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	66.900
166	TÂN KỶ TÂN QUỶ	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	58.000
167	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	55.000
168	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	55.000
169	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	63.600
170	TÂN SƠN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		123.300
171	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	63.600
172	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	63.600
173	TÂN TIỀN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	90.600
174	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		65.500
175	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	42.800
176	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	61.700
177	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÁU	57.100
178	TÂN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐÔNG NAI	80.000
179	THẦN NHÂN TRUNG	CỘNG HOÀ	MAI LÃO BẠNG	72.600
180	THĂNG LONG	CỘNG HOÀ	HẬU GIANG	89.800
181	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 373 LÝ THƯỜNG KIỆT	63.600
182	THÉP MỚI	TRỌN ĐƯỜNG		59.300
183	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		73.300
184	THIỆN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	72.300
185	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HOÀ	ĐÔNG HỒ	75.700
186	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	82.000
187	TÓNG VĂN HÊN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	41.900
188	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 1054 CÁCH MẠNG THÁNG 8	66.400
189	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	66.400
190	TỬ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	58.200
191	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BÀU CÁT	72.300
192	TRẦN QUỐC HOÀN	CỘNG HÒA	TRƯỜNG SƠN	113.300
193	TRẦN THÁI TỔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	53.100
194	TRẦN THÁNH TỔNG	HUỲNH VĂN NGHỆ	CỐNG LỖ	39.800
195	TRẦN TRIỆU LUẬT	BÈN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	66.900
196	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	70.400
197	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.100
198	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	69.400
199	TRẦN KHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		69.900
200	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	84.800
201	TRƯỜNG HOÀNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		59.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
202	TRƯỜNG CHÍNH	NGÃ 4 BẦY HIỀN	MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH- CỘNG HÒA	114.500
		MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH - CỘNG HÒA	CÁU THAM LƯƠNG	88.200
203	TRƯỜNG SA	ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	89.500
204	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		113.300
205	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	59.800
206	ÚT TỊCH	CỘNG HOÀ	LÊ BÌNH	89.800
207	VĂN CÔI	BÀNH VĂN TRẦN	NGHĨA PHÁT	65.300
208	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	TRẦN VĂN DANH	70.400
209	TÂN SƠN	PHẠM VĂN BẠCH	QUANG TRUNG - GỖ VẤP	44.900
210	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIẾT	HỒNG LẠC	64.300
211	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	108.700
212	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHÍNH	XUÂN DIỆU	108.700
213	YÊN THẾ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	KÊNH NHẬT BẢN	89.700
214	ĐƯỜNG DỰ ÁN KÊNH MƯƠNG NHẬT BẢN	ĐƯỜNG VÀO KHU A75	CUỐI HÈM 74 BẠCH ĐĂNG 2	48.200
215	ĐƯỜNG NỘI ĐƯỜNG TRẦN QUỐC HOÀN - ĐƯỜNG CỘNG HÒA	TRẦN QUỐC HOÀN	CỘNG HÒA	96.000
216	ĐẶNG MINH TRÚ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	BÙI THẾ MỸ	52.000

Phụ lục 3

BẢNG 9**BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN BÌNH TÂN**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.600
2	AO ĐÔI	MÃ LỎ	QUỐC LỘ 1A	27.400
3	ẤP CHIÊN LƯỢC	MÃ LỎ	TÂN KỲ TÂN QUÝ	31.800
4	BẾN LỘI	VỖ VĂN VÂN	TÂY LÂN	23.800
5	BÌNH LONG	TÂN KỲ TÂN QUÝ	NGÃ TƯ BÓN XÃ	54.000
6	BÙI DƯƠNG LỊCH	TRỌN ĐƯỜNG		25.700
7	BÙI HỮU DIỄN	NGUYỄN THỨC TỰ	CUỐI ĐƯỜNG	26.300
8	BÙI HỮU DIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
9	BÙI TƯ TOÀN	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	34.000
10	CÁC ĐƯỜNG 2, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 16M)	TRỌN ĐƯỜNG		32.700
11	CÁC ĐƯỜNG 1A, 2,3, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 15M)	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
12	CÁC ĐƯỜNG 2, 2A, 2B, 4, 6, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 12M)	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
13	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1A, 1B, 3A, 4B, 6C, 8, 8A, 10, 11, 13, 15, 15A, 17A, 20, 21B, 22, 24, 24A, 24B, 25B, 27, 28, 30, 32, 32A, 33, 34, 34A, 36, 41 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐB, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
14	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 9 THUỘC KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		23.000
15	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3A, 4A, 5A, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		23.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	CÁC ĐƯỜNG SỐ 4A, 5A, 6A, 6B, 7A, 8B, 8C, 12, 12A, 12B, 16, 18, 19A, 19B, 19C, 19D, 19E, 19F, 21, 21A, 21E, 23, 25, 25A, 26, 28A, 31, 31A, 32B, 33A, 33B, 34B, 39 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐ B, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
17	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 5 THUỘC DỰ ÁN CƯ XÁ PHÚ LÂM C MỞ RỘNG (PHƯỜNG AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
18	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3, 4 THUỘC DỰ ÁN CƯ XÁ PHÚ LÂM C MỞ RỘNG (PHƯỜNG AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
19	CÁC ĐƯỜNG SỐ 6E, 6D, 21D THUỘC DỰ ÁN KHU PHỐ CHỢ ĐÀ SÀ (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
20	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 4, 6 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ THẮNG LONG (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
21	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HAI THÀNH (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
22	CẦU KINH	NGUYỄN CỬU PHÚ	NGUYỄN VĂN CỰ	15.200
23	CÂY CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		15.900
24	CHIẾN LƯỢC	MÃ LỘ	QUỐC LỘ 1A	27.100
		TÂN HÒA ĐÔNG	MÃ LỘ	34.600
25	DƯƠNG BÁ CUNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	DƯƠNG TỰ QUẢN	30.500
26	DƯƠNG TỰ QUẢN	HOÀNG VĂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	30.500
27	ĐẤT MỚI (TRƯỚC ĐÂY LÀ ĐƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG)	LÊ VĂN QUỚI	TỈNH LỘ 10	44.000
28	ĐÌNH NGHI XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	LIÊN KHU 5-11-12	33.900
29	ĐÌNH TÂN KHAI, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	HƯƠNG LỘ 2	CUỐI ĐƯỜNG	25.900
30	ĐỖ NĂNG TÊ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 17	27.400
31	ĐOÀN PHÚ TỬ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.300
32	ĐƯỜNG 504, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.300
33	ĐƯỜNG 532, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34	ĐƯỜNG BIA TRUYỀN THÔNG	TỈNH LỘ 10	LÊ ĐÌNH CẦN	28.600
35	ĐƯỜNG BỜ SÔNG	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	27.400
36	ĐƯỜNG BỜ TUYẾN	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	27.300
37	ĐƯỜNG MIẾU BÌNH ĐÔNG	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 3	33.500
38	ĐƯỜNG MIẾU GỖ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		26.100
39	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		39.600
40	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
41	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	29.200
42	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	37.000
43	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	23.100
44	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	ĐƯỜNG SỐ 2	23.100
45	ĐƯỜNG SỐ 1 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HAI THÀNH (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
46	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CẦU KINH	28.100
47	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 5 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
48	ĐƯỜNG SỐ 1B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MIẾU BÌNH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 6	23.100
49	ĐƯỜNG SỐ 1C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
50	ĐƯỜNG SỐ 1C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		30.300
51	ĐƯỜNG SỐ 1D, KP4-PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 4C	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
52	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	GỖ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	23.100
53	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	24.500
54	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MÃ LÒ	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
55	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	CUỐI ĐƯỜNG	19.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 4-5	27.500
57	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
58	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		30.300
59	ĐƯỜNG SỐ 2A, 2B, 2C, THUỘC KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
60	ĐƯỜNG SỐ 2A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	23.100
61	ĐƯỜNG SỐ 2B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
62	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
63	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
64	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 2	44.700
65	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	37.000
66	ĐƯỜNG SỐ 3A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	DỰ ÁN 415	23.100
67	ĐƯỜNG SỐ 3B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	23.100
68	ĐƯỜNG SỐ 3B, 3C, 3, 5, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
69	ĐƯỜNG SỐ 3C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	23.100
70	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		57.700
71	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
72	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	20.400
73	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	27.800
74	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 8	27.500
75	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		30.300
76	ĐƯỜNG SỐ 4C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		34.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
77	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		57.700
78	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	QUỐC LỘ 1A	28.900
79	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	37.000
80	ĐƯỜNG SỐ 5A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
81	ĐƯỜNG SỐ 5B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		41.900
82	ĐƯỜNG SỐ 5B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 8	23.100
83	ĐƯỜNG SỐ 5C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5E	DỰ ÁN 415	23.100
84	ĐƯỜNG SỐ 5D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
85	ĐƯỜNG SỐ 5E, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5C	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
86	ĐƯỜNG SỐ 5F, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	KÊNH NƯỚC ĐEN	23.100
87	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		30.300
88	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
89	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
90	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỜI	CUỐI ĐƯỜNG	24.500
91	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
92	ĐƯỜNG SỐ 6 (LIÊN KHU 5 CŨ), PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		19.900
93	ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		33.100
94	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
95	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	34.700
96	ĐƯỜNG SỐ 7A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	DỰ ÁN 415	23.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	ĐƯỜNG SỐ 7B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
98	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HƯƠNG LỘ 3	28.900
99	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	KÊNH NƯỚC ĐEN	28.600
100	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	27.500
101	ĐƯỜNG SỐ 8B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
102	ĐƯỜNG SỐ 8D, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
103	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
104	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 9A	32.400
105	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
106	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	DỰ ÁN 415	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
107	ĐƯỜNG SỐ 9B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		34.600
108	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	28.900
109	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	24.500
110	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	27.500
111	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	28.900
112	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 17	23.100
113	ĐƯỜNG SỐ 11A, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		34.600
114	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG 26/3	28.600
115	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		20.400
116	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	ĐƯỜNG 26/3	28.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	23.100
118	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	23.100
119	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
120	ĐƯỜNG SỐ 13B, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
121	ĐƯỜNG SỐ 13C, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
122	ĐƯỜNG SỐ 14, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
123	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỐI	DỰ ÁN 415	24.500
124	ĐƯỜNG SỐ 14A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	20.400
125	ĐƯỜNG SỐ 14B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	ĐƯỜNG SỐ 2	20.400
126	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG 26/3	CUỐI ĐƯỜNG	28.900
127	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	LÊ TRỌNG TÁN	CUỐI ĐƯỜNG	29.200
128	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
129	ĐƯỜNG SỐ 16A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MIÊU GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	20.400
130	ĐƯỜNG SỐ 17, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
131	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 19A	27.700
132	ĐƯỜNG SỐ 17A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
133	ĐƯỜNG SỐ 17B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
134	ĐƯỜNG SỐ 17C, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
135	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	53.600
136	ĐƯỜNG SỐ 18A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	21.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
137	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	GÒ XOÀI	25.900
138	ĐƯỜNG SỐ 18C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	21.600
139	ĐƯỜNG SỐ 18D, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
140	ĐƯỜNG SỐ 18E PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG 18B	TRỌN ĐƯỜNG (KHU PHỐ 1)	21.600
141	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		69.200
142	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	28.600
143	ĐƯỜNG SỐ 19A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	23.800
144	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		25.400
145	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	MÃ LÒ	21.600
146	ĐƯỜNG SỐ 21D, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
147	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	27.200
148	ĐƯỜNG SỐ 23A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
149	ĐƯỜNG SỐ 23B, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
150	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	27.200
151	ĐƯỜNG SỐ 24A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	24.500
152	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	MIẾU GÒ XOÀI	23.100
153	ĐƯỜNG SỐ 26/3 PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	HƯỚNG LỘ 13 (LÊ TRỌN	CUỐI ĐƯỜNG	34.700
154	ĐƯỜNG SỐ 29 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
155	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 6	36.100
156	ĐƯỜNG SỐ 38A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	36.100
157	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	50.500
158	ĐƯỜNG SỐ 40A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	36.100
159	ĐƯỜNG SỐ 40B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49	ĐƯỜNG SỐ 51	31.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
160	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	36.100
161	ĐƯỜNG SỐ 42A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49B	ĐƯỜNG SỐ 51	31.800
162	ĐƯỜNG SỐ 43, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
163	ĐƯỜNG SỐ 44, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	36.100
164	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	44.700
165	ĐƯỜNG SỐ 46A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	CUỐI ĐƯỜNG	36.100
166	ĐƯỜNG SỐ 46B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 53A	31.800
167	ĐƯỜNG SỐ 47 PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 44	31.800
168	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	36.100
169	ĐƯỜNG SỐ 48A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55B	ĐƯỜNG SỐ 55	31.800
170	ĐƯỜNG SỐ 48B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
171	ĐƯỜNG SỐ 48C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
172	ĐƯỜNG SỐ 49, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 46	ĐƯỜNG SỐ 40	50.500
173	ĐƯỜNG SỐ 49A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 40B	31.800
174	ĐƯỜNG SỐ 49B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 44	ĐƯỜNG SỐ 42	31.800
175	ĐƯỜNG SỐ 49C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 42A	ĐƯỜNG SỐ 44	31.800
176	ĐƯỜNG SỐ 50, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	36.100
177	ĐƯỜNG SỐ 50A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 55	31.800
178	ĐƯỜNG SỐ 50B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	ĐƯỜNG SỐ 57	31.800
179	ĐƯỜNG SỐ 50C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 53C	36.100
180	ĐƯỜNG SỐ 50D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	ĐƯỜNG SỐ 57A	31.800
181	ĐƯỜNG SỐ 51, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
182	ĐƯỜNG SỐ 52, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 59	36.100
183	ĐƯỜNG SỐ 52A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53D	ĐƯỜNG SỐ 55	31.800

10

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
184	ĐƯỜNG SỐ 52B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57C	ĐƯỜNG SỐ 57	31.800
185	ĐƯỜNG SỐ 53, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50C	ĐƯỜNG SỐ 46	31.800
186	ĐƯỜNG SỐ 53A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48	ĐƯỜNG SỐ 46A	33.200
187	ĐƯỜNG SỐ 53B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50A	ĐƯỜNG SỐ 50C	33.200
188	ĐƯỜNG SỐ 53C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52A	ĐƯỜNG SỐ 50A	33.200
189	ĐƯỜNG SỐ 53D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	33.200
190	ĐƯỜNG SỐ 54, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	36.100
191	ĐƯỜNG SỐ 54A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57	ĐƯỜNG SỐ 59	36.100
192	ĐƯỜNG SỐ 55, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 46	44.700
193	ĐƯỜNG SỐ 55A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50D	ĐƯỜNG SỐ 48A	33.200
194	ĐƯỜNG SỐ 55B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48C	ĐƯỜNG SỐ 46A	33.200
195	ĐƯỜNG SỐ 57, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 50	44.700
196	ĐƯỜNG SỐ 57A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52B	ĐƯỜNG SỐ 50B	33.200
197	ĐƯỜNG SỐ 57B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50B	ĐƯỜNG SỐ 50D	33.200
198	ĐƯỜNG SỐ 57C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	33.200
199	ĐƯỜNG SỐ 59, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
200	ĐƯỜNG SỐ 59B, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
201	GỖ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		38.200
202	HỒ HỌC LÂM	QUỐC LỘ 1A	RẠCH CÁT (PHÚ ĐỊNH)	41.500
203	HỒ VĂN LONG	NGUYỄN THỊ TÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC)	36.800
204	HỒ VĂN LONG	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	26.800
205	HOÀNG VĂN HỢP	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG 1A	41.900
206	HƯƠNG LỘ 2	TRỌN ĐƯỜNG		47.500
207	HƯƠNG LỘ 3	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 5	54.000
208	KÊNH C (NGUYỄN ĐÌNH KIÊN CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		14.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
209	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		41.300
210	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG AN LẠC A	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	30.500
211	KHIẾU NĂNG TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		41.900
212	KINH DƯƠNG VƯƠNG	MŨI TÀU	CẦU AN LẠC	73.600
		CẦU AN LẠC	VÒNG XOAY AN LẠC	56.700
213	LÂM HOÀNH	KINH DƯƠNG VƯƠNG	SỐ 71 LÂM HOÀNH	30.300
		TỪ SỐ 71 LÂM HOÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	30.300
214	LỄ CƠ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	34.000
		RANH KHU DÂN CƯ NAM	CUỐI ĐƯỜNG	41.900
215	LỄ CÔNG PHÉP	TRỌN ĐƯỜNG		25.300
216	LỄ ĐÌNH CẦN	QUỐC LỘ 1A	TỈNH LỘ 10	31.900
217	LỄ ĐÌNH DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
218	LỄ NGUNG	NGUYỄN CỬU PHÚ	VÔ TRẦN CHÍ	16.600
219	LỄ TÁN BÊ	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
220	LỄ TRỌNG TẤN	CẦU BỤNG	QUỐC LỘ 1A	61.300
221	LỄ VĂN QUỚI	TRỌN ĐƯỜNG		57.100
222	LIÊN KHU 1 - 6 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		25.900
223	LIÊN KHU 2 - 5 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	HƯƠNG LỘ 2	37.400
224	LIÊN KHU 2-10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	LÔ TƯ	GÒ XOÀI	23.200
225	LIÊN KHU 4-5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		19.900
226	LIÊN KHU 5-6, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		19.900
227	LIÊN KHU 5-11-12, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	ĐÌNH NGHI XUÂN	37.400
228	LIÊN KHU 7-13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 8B	DỰ ÁN 415	23.100
229	LIÊN KHU 8-9, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	21.600
230	LIÊN KHU PHỐ 10-11, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	CUỐI ĐƯỜNG	41.300
231	LIÊN KHU 16 - 18 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.500
232	LỘ TỀ	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
233	LÔ TƯ	MÃ LỘ	ĐƯỜNG GÒ XOÀI	21.600
234	MÃ LỘ	TỈNH LỘ 10	TÂN KỶ TÂN QUÝ	44.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
235	BÌNH THÀNH	NGUYỄN THỊ TÚ	HÈM 399 BÌNH THÀNH	39.100
		HÈM 399 BÌNH THÀNH	ĐƯỜNG SỐ 2 (BHH B)	50.500
		ĐƯỜNG SỐ 2 (BHH B)	LIÊN KHU 4-5	39.100
236	NGÔ Y LINH	AN DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	24.600
237	NGUYỄN CỬU PHÚ	TỈNH LỘ 10	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	27.200
238	NGUYỄN HỐI	KINH DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	32.100
239	NGUYỄN QUÝ YÊM	AN DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.600
240	NGUYỄN THỊ TÚ	QUỐC LỘ 1A	VĨNH LỘC	51.800
241	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN THỨC TỰ	37.800
242	NGUYỄN THỨC TỰ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	HOÀNG VĂN HỢP	30.500
243	NGUYỄN TRIỆU LUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
244	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	30.500
245	NGUYỄN VĂN CỰ	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
246	PHẠM BÀNH	NGUYỄN THỨC TỰ	PHAN CÁT TỰU	28.800
247	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	RANH QUẬN 12	QUỐC LỘ 1A	56.400
248	PHAN CÁT TỰU	TRỌN ĐƯỜNG		27.400
249	PHAN ANH	NGÃ TƯ BÓN XÃ	TÂN HÒA ĐÔNG	52.200
250	PHAN ĐÌNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.400
251	PHÙNG TÁ CHU	BÀ HOM	KHIÊU NĂNG TỈNH	29.200
252	QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH BÌNH CHÁNH	GIÁP HUYỆN HÓC MÔN	35.800
253	SINCO	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
254	SÔNG SUỐI	QUỐC LỘ 1A	RANH SÔNG SUỐI	26.700
255	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	27.400
256	TÂN HÒA ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2	45.300
257	TÂN KỶ TÂN QUÝ	BÌNH LONG	QUỐC LỘ 1A	54.000
258	TẬP ĐOÀN 6B	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
259	TÂY LÂN	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	23.800
260	TÊN LỬA	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 29	63.500
		ĐƯỜNG SỐ 29	TỈNH LỘ 10	49.100

13

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
261	TỈNH LỘ 10	CÂY DA SÀ	QUỐC LỘ 1A	44.500
		QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	37.700
		CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	RANH BÌNH CHÁNH	34.300
262	TRẦN ĐẠI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		38.400
263	TRẦN THANH MẠI	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	27.300
264	TRẦN VĂN GIÀU	TÊN LỬA	QUỐC LỘ 1A	63.500
		QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	31.200
265	TRƯƠNG PHƯỚC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
266	VÀNH ĐAI TRONG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2 (BÌNH TRỊ ĐÔNG)	65.000
267	VĨNH LỘC (HƯƠNG LỘ 80)	NGUYỄN THỊ TÚ	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	33.100
268	VÕ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	26.200
269	VÕ HỮU	TÀ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	26.300
270	VƯƠNG VĂN HUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		28.800
271	VÕ VĂN KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
272	HOÀNG HÙNG	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.200
273	VÕ TRẦN CHÍ	QUỐC LỘ 1A	RANH BÌNH CHÁNH	17.900
274	ĐƯỜNG SỐ 7, KHU DÂN CƯ AN LẠC - PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	63.500
275	CÁC ĐƯỜNG 1, 1A, 1B, 1C, 2, 2A, 2 NÓI DÀI, 3A, 3B, 3C VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI CỦA KHU TĐC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		41.200
276	CÁC ĐƯỜNG 1, 2, 3, 5, 7, 9 KDC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		41.200
277	CÁC ĐƯỜNG 2B, 3A NÓI DÀI, 3B NÓI DÀI, 3C NÓI DÀI, 2C NÓI DÀI, 2D NÓI DÀI THUỘC KHU TĐC AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
278	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 THUỘC KDC HƯƠNG LỘ 5	TRỌN ĐƯỜNG		41.500
279	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 4, 4 NÓI DÀI KDC LÊ THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		37.700
280	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		16.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
281	ĐƯỜNG KINH 1	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
282	ĐƯỜNG KINH 2	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
283	ĐƯỜNG KINH 3	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
284	ĐƯỜNG KINH 4	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
285	ĐƯỜNG KINH 5	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
286	ĐƯỜNG SỐ 20 (KP8)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
287	ĐƯỜNG SỐ 16A (KP11)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
288	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		27.200
289	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP26)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
290	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP9)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
291	ĐƯỜNG SỐ 3D (KP7)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
292	ĐƯỜNG SỐ 4 (KP22)	TRỌN ĐƯỜNG		21.600
293	ĐƯỜNG 1,2,3,8 THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
294	ĐƯỜNG 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 3A, 3B, 3C, 3D, 4, 4A, 4B, 5, 5A, 5B, 5C, 6, 6A, 6B, 10, 10A, 10B, 10C, 12, 12A, 12B, 12C, 14, 14A, 14B, 14C, 14D, 14E, 14F, 16, 16A, THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		36.800
295	TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG SỐ 29 ĐẾN ĐƯỜNG TỈNH LỘ 10 (THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG TÊN LỬA	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
296	TUYẾN ĐƯỜNG RẠCH BÀ TIẾNG (THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH BÀ TIẾNG	TRỌN ĐƯỜNG		41.900
297	ĐƯỜNG SỐ 20, 22, 17 (LỘ GIỚI 16M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		46.300
298	ĐƯỜNG SỐ 17A, 17B (LỘ GIỚI 12M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		41.700

Phụ lục 3

BẢNG 9**BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN TÂN PHÚ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
2	BÁC ÁI	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT NHÀ SỐ 98 ĐƯỜNG BÁC ÁI)	54.500
3	BÌNH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
4	BÙI CẨM HỒ	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	45.400
5	BÙI XUÂN PHẢI	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI ĐƯỜNG	47.000
6	CẦU XÉO	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
7	CÁCH MẠNG	LŨY BÁN BÍCH	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	61.800
8	CAO VĂN NGỌC	KHUÔNG VIỆT	KHUÔNG VIỆT	51.000
9	CHÂN LÝ	ĐỘC LẬP	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	40.800
10	CHẾ LAN VIÊN	TRƯỜNG CHÍNH	CUỐI ĐƯỜNG	53.300
11	CHU THIÊN	NGUYỄN MỸ CA	TỔ HIỆU	56.700
12	CHU VĂN AN	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	65.200
13	CỘNG HOÀ 3	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN HUYỀN	43.100
14	DÂN CHỦ	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	54.500
15	DÂN TỘC	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
16	DƯƠNG KHUÊ	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	56.700
17	DƯƠNG ĐỨC HIẾN	LÊ TRỌNG TẤN	CHẾ LAN VIÊN	61.300
18	DƯƠNG THIỆU TƯỚC	LÝ TUỆ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	42.600
19	DƯƠNG VĂN DƯƠNG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐỒ THỪA LUÔNG	62.400
20	DIỆP MINH CHÂU	TÂN SƠN NHÌ	TRƯỜNG VINH KỶ	68.000
21	ĐÀM THẬN HUY	TRỌN ĐƯỜNG		65.800
22	ĐẶNG THÈ PHONG	ÂU CƠ	TRẦN TÂN	45.400
23	ĐÌNH LIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
24	ĐOÀN HỒNG PHƯỚC	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	HUỲNH THIÊN LỘC	45.400
25	ĐOÀN GIỚI	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
26	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TỰ DO 1	56.700
27	ĐỒ BÌ	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
28	ĐỒ CÔNG TƯỚNG	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
29	ĐỒ ĐỘC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
30	ĐỒ ĐỘC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
31	ĐỒ ĐỘC LONG	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
32	ĐỒ ĐỘC THỦ	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
33	ĐỒ ĐỨC DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		52.500
34	ĐỒ THỊ TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		51.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35	ĐỒ THỪA LUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
36	ĐỒ THỪA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
37	ĐỒ NHUẬN	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	53.900
		CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	41.400
38	ĐỘC LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		73.700
39	ĐƯỜNG C1	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	39.700
40	ĐƯỜNG C4	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	42.600
41	ĐƯỜNG C4A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	42.600
42	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	39.700
43	ĐƯỜNG C6	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	39.700
44	ĐƯỜNG C6A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	39.700
45	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C7	ĐƯỜNG S11	42.600
46	ĐƯỜNG CC1	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	38.600
47	ĐƯỜNG CC2	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	36.900
48	ĐƯỜNG CC3	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC2	51.000
49	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	36.900
50	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	39.700
51	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	LÊ TRỌNG TẤN	45.400
52	ĐƯỜNG CN6	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CN11	62.400
53	ĐƯỜNG CN11	ĐƯỜNG CN1	TÂY THẠNH	53.900
54	ĐƯỜNG D9	TÂY THẠNH	CHÈ LAN VIỄN	52.200
55	ĐƯỜNG D14A	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	45.400
56	ĐƯỜNG DC1	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
57	ĐƯỜNG DC11	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
58	ĐƯỜNG D10	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
59	ĐƯỜNG D11	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
60	ĐƯỜNG D12	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	45.400
61	ĐƯỜNG D13	TÂY THẠNH	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
62	ĐƯỜNG D14B	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	45.400
63	ĐƯỜNG D15	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	39.700
64	ĐƯỜNG D16	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
65	ĐƯỜNG DC3	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
66	ĐƯỜNG DC4	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN11	45.400
67	ĐƯỜNG DC5	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
68	ĐƯỜNG DC7	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
69	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
70	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	BÌNH LONG	LƯU CHỈ HIỆU	43.100
71	ĐƯỜNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
72	ĐƯỜNG TÂN THẮNG (TÊN CŨ: BỒ BAO TÂN THẮNG)	BÌNH LONG	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	51.000
73	ĐƯỜNG CÂY KEO	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	66.600
74	ĐƯỜNG S5	ĐƯỜNG S2	KÊNH 19/5	45.900
75	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	47.600
76	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	TÂY THẠNH	45.900
77	ĐƯỜNG S3	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	ĐƯỜNG S2	45.400
78	ĐƯỜNG S7	ĐƯỜNG S2	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	45.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	ĐƯỜNG S9	ED	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	45.400
80	ĐƯỜNG S2 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S11	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
81	ĐƯỜNG C2 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S11	LƯU CHÍ HIẾU	47.600
82	ĐƯỜNG S4 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG S11	47.600
83	ĐƯỜNG T3 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG T2	KÊNH 19/5	44.200
84	ĐƯỜNG T5 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG T4A	KÊNH 19/5	44.200
85	ĐƯỜNG SỐ 1	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TỎ	57.300
86	ĐƯỜNG SỐ 2	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TỎ	48.200
87	ĐƯỜNG KÊNH NƯỚC ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
88	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HOÁ	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
89	ĐƯỜNG SỐ 18 (P.TÂN QUÝ)	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
90	ĐƯỜNG SỐ 27 (P.SƠN KỶ)	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
91	ĐƯỜNG T1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
92	ĐƯỜNG T4A	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	44.500
93	ĐƯỜNG T4B	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	44.500
94	ĐƯỜNG T6	LÊ TRỌNG TÂN	ĐƯỜNG S1	51.000
95	GỖ DẦU	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
96	HÀN MẶC TỬ	THÔNG NHẤT	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	48.200
97	HIỀN VƯƠNG	VĂN CAO PHAN VĂN NĂM	PHAN VĂN NĂM CUỐI ĐƯỜNG	62.400 62.400
98	HỒ ĐẮC DI	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
99	HỒ NGỌC CÁN	TRẦN HUNG ĐẠO	THÔNG NHẤT	54.500
100	HOA BĂNG	NGUYỄN CỬU ĐAM	CUỐI ĐƯỜNG	67.500
101	HÒA BÌNH	KHUÔNG VIỆT LŨY BÁN BÍCH	LŨY BÁN BÍCH NGÃ TƯ 4 XÃ	76.600 61.300
102	HOÀNG NGỌC PHÁCH	NGUYỄN SƠN	LÊ THỨC HOẠCH	55.300
103	HOÀNG THIẾU HOA	THẠCH LAM	HOÀ BÌNH	62.400
104	HOÀNG VĂN HOỀ	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
105	HOÀNG XUÂN HOÀNH	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
106	HOÀNG XUÂN NHỊ	ẤU CƠ	KHUÔNG VIỆT	53.900
107	HUỲNH VĂN CHÍNH	KHUÔNG VIỆT	CHUNG CƯ HUỲNH VĂN CHÍNH 1	56.700
108	HUỲNH VĂN MỘT	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	49.900
109	HUỲNH VĂN GẮM	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HỒ ĐẮC DI	47.600
110	HUỲNH THIÊN LỘC	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	56.700
111	ÍCH THIÊN	PHỐ CHỢ	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	48.200
112	KHUÔNG VIỆT	ẤU CƠ	HOÀ BÌNH	62.900
113	LÊ CAO LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		49.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
114	LÊ CẢNH TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
115	LÊ KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
116	LÊ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
117	LÊ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		48.800
118	LÊ LIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		48.800
119	LÊ LƯ	TRỌN ĐƯỜNG		48.800
120	LÊ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		67.500
121	LÊ ĐẠI	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
122	LÊ NGÃ	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
123	LÊ NIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		55.600
124	LÊ ĐÌNH THAM	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
125	LÊ ĐÌNH THỤ	VƯỜN LẠI	ĐƯỜNG SỐ 1	49.900
126	LÊ QUANG CHIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
127	LÊ QUỐC TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
128	LÊ SAO	TRỌN ĐƯỜNG		61.800
129	LÊ SÁT	TRỌN ĐƯỜNG		62.900
130	LÊ QUÁT	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	47.000
131	LÊ THẬN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	CHU THIÊN	45.400
132	LÊ THIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		48.800
133	LÊ THỨC HOẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		65.800
134	LÊ TRỌNG TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
135	LÊ VĂN PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		72.600
136	LÊ VINH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		51.400
137	LƯƠNG MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
138	LƯƠNG ĐẮC BĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
139	LƯƠNG THẾ VINH	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
140	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
141	LƯU CHÍ HIẾU	CHÉ LAN VIÊN	ĐƯỜNG C2	52.200
		ĐƯỜNG C2	KÊNH 19/5	45.400
142	LŨY BÁN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
143	LÝ THAI TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		47.400
144	LÝ THANH TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
145	LÝ TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
146	NGÔ QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
147	NGHIÊM TOÀN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI HẸM 568 LŨY BÁN BÍCH	53.900
		THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI HẸM 48 THOẠI NGỌC HẦU	45.400
148	NGUY NHƯ KONTUM	THẠCH LAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
149	NGUYỄN BÁ TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		55.600
150	NGUYỄN CHÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
151	NGUYỄN CỬU ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		73.700
152	NGUYỄN DŨ	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
153	NGUYỄN ĐỖ CUNG	LÊ TRỌNG TÂN	PHẠM NGỌC THẢO	46.800
154	NGUYỄN HẢO VINH	GỖ DẦU	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
155	NGUYỄN HẬU	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
156	NGUYỄN HỮU DẬT	TRỌN ĐƯỜNG		52.200
157	NGUYỄN HỮU TIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		52.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
158	NGUYỄN LỘ TRẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
159	NGUYỄN LÝ	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
160	NGUYỄN MINH CHÂU	ÂU CƠ	HÈM 25 NGUYỄN MINH CHÂU	53.900
161	NGUYỄN MỸ CA	ĐƯỜNG CÂY KEO	TRẦN QUANG QUÁ	45.400
162	NGUYỄN NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
163	NGUYỄN NGỌC NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
164	NGUYỄN NHỮ LÂM	NGUYỄN SƠN	PHÚ THỌ HÒA	49.900
165	NGUYỄN SÁNG	LÊ TRỌNG TÂN	NGUYỄN ĐỖ CUNG	43.100
166	NGUYỄN SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		83.400
167	NGUYỄN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		59.600
168	NGUYỄN QUANG ĐIỀU	NGUYỄN SÚY	HÈM 20 PHẠM NGỌC	45.400
169	NGUYỄN QUÝ ANH	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HÈM 15 CẦU XẾO	51.000
170	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
171	NGUYỄN THẾ TRUYỆN	TRƯỜNG VĨNH KỶ	CUỐI ĐƯỜNG	62.400
172	NGUYỄN THIỀU LẬU	TỔ HIỆU	LÊ THẬN	48.200
173	NGUYỄN TRƯỜNG TỖ	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
174	NGUYỄN TRỌNG QUYỀN	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	45.400
175	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
176	NGUYỄN VĂN HUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
177	NGUYỄN VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
178	NGUYỄN VĂN SĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.100
179	NGUYỄN VĂN TỔ	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
180	NGUYỄN VĂN VINH	HÒA BÌNH	LÝ THÁNH TỔNG	50.500
181	NGUYỄN VĂN YẾN	PHAN ANH	TỔ HIỆU	43.100
182	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TRỌN ĐƯỜNG		61.300
183	PHẠM NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
184	PHẠM NGỌC THẢO	DƯƠNG ĐỨC HIỂN	NGUYỄN HỮU DẬT	46.800
185	PHẠM VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
186	PHẠM VĂN XAO	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
187	PHẠM QUÝ THÍCH	LÊ THỨC HOẠCH	TÂN HƯƠNG	54.500
188	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		53.100
189	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
190	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		61.800
191	PHAN VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
192	PHỐ CHỢ	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
193	PHÙNG CHÍ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
194	PHÚ THỌ HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		77.100
195	QUÁCH ĐÌNH BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
196	QUÁCH VŨ	TRỌN ĐƯỜNG		52.200
197	QUÁCH HỮU NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
198	SƠN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
199	TÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		73.700
200	TÂN KỶ TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
201	TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
202	TÂN SƠN NHÌ	TRỌN ĐƯỜNG		85.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
203	TÂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
204	TÂY SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
205	TÂY THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		65.800
206	THẨM MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
207	THẠCH LAM	TRỌN ĐƯỜNG		59.600
208	THÀNH CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		59.600
209	THOẠI NGỌC HẦU	ẤU CƠ LŨY BÁN BÍCH	LŨY BÁN BÍCH PHAN ANH	72.600 56.700
210	THỐNG NHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		65.800
211	TÔ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
212	TỰ DO 1	TRỌN ĐƯỜNG		60.100
213	TỰ QUYẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
214	TRẦN HUNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
215	TRẦN QUANG CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
216	TRẦN QUANG QUÁ	TÔ HIỆU	NGUYỄN MỸ CA	43.100
217	TRẦN TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
218	TRẦN THỦ ĐỘ	VĂN CAO	PHAN VĂN NĂM	63.500
219	TRẦN VĂN CÁN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
220	TRẦN VĂN GIÁP	LÊ QUANG CHIÊU	HÈM THẠCH LAM	44.200
221	TRẦN VĂN ƠN	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
222	TRỊNH LỖI	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
223	TRỊNH ĐÌNH THẢO	TRỌN ĐƯỜNG		59.600
224	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		57.300
225	TRƯƠNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
226	TRƯƠNG VÂN LĨNH	TRƯƠNG VĨNH KÝ	DẪN TỘC	51.000
227	TRƯƠNG CHINH	TRỌN ĐƯỜNG		76.600
228	VĂN CAO	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
229	VẠN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
230	VÕ CÔNG TÔN	TÂN HƯƠNG	HÈM 211 TÂN QUÝ	51.000
231	VÕ HOÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
232	VÕ VĂN DŨNG	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
233	VƯỜN LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		80.500
234	VŨ TRỌNG PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
235	YẾN ĐỎ	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
236	Ý LAN	TRỌN ĐƯỜNG		57.300
237	ĐƯỜNG A KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
238	ĐƯỜNG B KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
239	ĐƯỜNG SỐ 41	VƯỜN LÀI	KÊNH NƯỚC ĐEN	45.400
240	ĐƯỜNG B1	ĐƯỜNG B4	TÂY THẠNH (CHUA THỐNG)	45.400
241	ĐƯỜNG B2	ĐƯỜNG B1	HÈM 229 TÂY THẠNH	45.400
242	ĐƯỜNG B3	TÂY THẠNH	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
243	ĐƯỜNG B4	ĐƯỜNG B1	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
244	ĐƯỜNG T8	ĐƯỜNG T3	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
245	ĐƯỜNG DC6	TRỌN ĐƯỜNG		49.100
246	ĐƯỜNG DC13	TRỌN ĐƯỜNG		52.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
247	ĐƯỜNG DC8	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
248	HÀ THỊ ĐẤT	CẦU XEO	HOA BẢNG	45.400
249	T2	T3	HÈM 296 TỔ HIỆU	44.200
250	CN13	LÊ TRỌNG TÂN	CN1	53.900
251	PHAN THỊ HÀNH	HÈM 2/2 LÊ THỨC HOẠCH	NHÀ SỐ 2/2/9 LÊ THỨC HOẠCH	45.400
252	TRẦN THỊ BẢO	PHAN ANH	TỔ HIỆU	45.400
253	TRỊNH THỊ THO	THẠCH LAM	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	45.400
254	TRẦN THỊ SA	CHU THIÊN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	45.400

BẢNG 9**BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN GÒ VẤP**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
2	AN NHƠN	TRỌN ĐƯỜNG		36.300
3	NGUYỄN VĂN KHÔI	PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ VĂN THỌ	46.500
		LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 8	46.500
4	DƯƠNG QUẢNG HÀM	TRỌN ĐƯỜNG		48.800
5	HẠNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
6	HOÀNG HOA THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
7	HOÀNG MINH GIÁM	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	NGUYỄN KIỂM	74.600
8	HUỲNH KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
9	HUỲNH VĂN NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
10	LÊ ĐỨC THỌ	PHAN VĂN TRỊ	NGUYỄN OANH	70.900
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	67.300
		THỐNG NHẤT	CẦU TRƯỞNG ĐẠI	51.800
11	LÊ HOÀNG PHÁI	TRỌN ĐƯỜNG		46.300
12	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		41.300
13	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN NGHI	LÊ LAI	48.800
		LÊ LAI	PHẠM VĂN ĐỒNG	45.700
14	LÊ QUANG ĐỊNH	CẦU HANG	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	66.400
15	LÊ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		41.400
16	LÊ VĂN THỌ	QUANG TRUNG	PHẠM VĂN CHIÊU	48.800
		PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ ĐỨC THỌ	47.600
17	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	PHAN VĂN TRỊ	BÌNH THẠNH	43.700
		NGUYỄN VĂN NGHI	PHAN VĂN TRỊ	33.700
18	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		39.300
19	NGUYỄN BÌNH KIỆM	LÊ QUANG ĐỊNH	PHẠM VĂN ĐỒNG	31.800
20	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		41.300
21	NGUYỄN HỒNG	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	43.700
22	NGUYỄN KIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		74.600
23	NGUYỄN OANH	NGÃ SÁU	PHAN VĂN TRỊ	76.200
		PHAN VĂN TRỊ	LÊ ĐỨC THỌ	81.000
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU AN LỘC	65.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	NGUYỄN THÁI SƠN	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	NGUYỄN KIỂM	66.600
		NGUYỄN KIỂM	PHẠM NGŨ LÃO	76.600
		PHẠM NGŨ LÃO	PHAN VĂN TRỊ	79.400
		PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	61.100
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	57.500
25	NGUYỄN THUẬN HIỂN	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
26	NGUYỄN TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
27	NGUYỄN VĂN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		45.700
28	NGUYỄN VĂN CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		54.600
29	NGUYỄN VĂN DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
30	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	THỐNG NHẤT	NGUYỄN OANH	68.300
		NGUYỄN OANH	CÔNG VIÊN VĂN HÓA	68.300
31	NGUYỄN VĂN NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		66.600
32	PHẠM HUY THÔNG	PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM (BỔ SUNG THÊM TỪ DƯƠNG QUẢNG HÀM ĐẾN THAM LƯƠNG) THÀNH TRỌN ĐƯỜNG	48.800
33	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
34	PHẠM VĂN CHIÊU	QUANG TRUNG	LÊ VĂN THỌ	57.800
		LÊ VĂN THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	52.400
35	PHẠM VĂN BẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		54.900
36	PHAN HUY ÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		57.800
37	PHAN VĂN TRỊ	PHẠM VĂN ĐÔNG	NGUYỄN THÁI SƠN	81.600
		NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN OANH	71.700
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	66.400
38	QUANG TRUNG	NGÃ SÁU GỖ VÁP	LÊ VĂN THỌ	93.500
		LÊ VĂN THỌ	TÂN SƠN	75.200
		TÂN SƠN	CHỢ CẦU	63.600
39	TÂN SƠN	QUANG TRUNG	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	54.900
40	THÍCH BỬU ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		38.200
41	THIÊN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		38.200
42	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	56.100
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU BÈN PHẬN	49.000
		SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	51.000
43	THỐNG TÂY HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		40.000
44	TRẦN BÁ GIAO	CHUNG CƯ HÀ KIỀU	NGUYỄN THÁI SƠN	32.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.500
46	TRẦN PHÚ CƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.300
47	TRẦN QUỐC TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		49.000
48	TRẦN THỊ NGHĨ	TRỌN ĐƯỜNG		60.200
49	TRUNG NỮ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		47.200
50	TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
51	TRƯƠNG MINH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
52	TÚ MỖ	TRỌN ĐƯỜNG		38.200
53	BÙI QUANG LÀ	PHAN VĂN BẠCH	PHAN HUY ÍCH	35.100
54	ĐỖ THỨC TỊNH	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 17	40.800
55	NGUYỄN DUY CUNG	ĐƯỜNG SỐ 19	PHAN HUY ÍCH	35.100
56	NGUYỄN TƯ GIẢN	ĐƯỜNG SỐ 34	PHAN HUY ÍCH	35.100
57	PHẠM VĂN ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		85.800
58	TÔ NGỌC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		24.300

Phụ lục 3

BẢNG 9

BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	QUẬN 2 (CỦ)			
1	TRẦN NÃO	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	84.500
		LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	84.500
2	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGÃ TƯ TRẦN NÃO - LƯƠNG ĐỊNH CỦA	MAI CHÍ THỌ (NÚT GIAO THÔNG AN PHÚ)	84.500
3	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
4	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
5	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
6	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.900
7	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.900
8	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	36.900
9	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
10	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	36.900
11	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	36.900
12	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
13	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
14	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
15	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
16	ĐƯỜNG SỐ 14, 15 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
17	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG AN KHÁNH	KHU DÂN CƯ HIM LAM	49.900
18	ĐƯỜNG SỐ 17, 18 PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	49.400
19	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
20	ĐƯỜNG SỐ 19B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
21	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		55.000
22	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	55.000
23	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
24	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	55.000
25	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
26	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
27	ĐƯỜNG SỐ 26, 28 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
28	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
29	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
30	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	49.900
31	ĐƯỜNG SỐ 30B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
32	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
33	ĐƯỜNG SỐ 32, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
34	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN HÀ QUANG	49.900
35	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
		ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
36	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
37	ĐƯỜNG SỐ 36, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
38	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
39	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
40	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
41	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
42	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
43	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	49.900
44	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
45	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
46	ĐẶNG HỮU PHỒ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	49.900
47	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
48	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
49	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		45.900
50	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
51	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
52	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	67.500
53	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
54	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
55	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
56	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
57	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
58	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	49.900
		TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN BÁ HUÂN	49.900
59	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	45.900
60	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		45.900
61	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
62	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	49.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
63	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	49.900
64	ĐƯỜNG 48, 59 PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
65	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
66	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	LÊ VĂN MIỄN	47.600
67	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
68	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
69	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		45.900
70	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
71	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 55	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
72	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	45.900
73	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
74	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
75	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
76	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
77	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
78	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	49.900
79	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
80	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	45.900
81	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
82	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	51.600
83	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
84	LÊ THUỐC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	57.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
85	LÊ VĂN MIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	53.900
86	NGÔ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	53.900
87	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
88	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	53.900
89	NGUYỄN CỬ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
90	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
91	NGUYỄN DUY HIỆU, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
92	NGUYỄN Ư DĨ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	57.800
93	NGUYỄN VĂN HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	CUỐI ĐƯỜNG	84.500
94	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	77.100
95	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	93.600
96	TỔNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	53.900
97	TRẦN NGỌC DIỆN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	65.200
98	TRÚC ĐƯỜNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	65.200
99	VÔ TRƯỜNG TOÀN	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	69.700
100	VÔ NGUYỄN GIÁP	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RẠCH CHIẾC	92.400
101	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	92.400
		QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	79.400
102	ĐƯỜNG CHÍNH (ĐOẠN 1, DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 12M - 17M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
103	ĐƯỜNG NHÁNH CỤT (DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 7M-12M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
104	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	58.900
105	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	42.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
106	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - AN PHÚ	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU NAM LÝ	46.300
107	ĐOÀN HỮU TRUNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
108	ĐƯỜNG 51-AP	TRỌN ĐƯỜNG		44.800
109	ĐƯỜNG 52-AP	TRỌN ĐƯỜNG		44.800
110	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 59-AP	44.800
111	ĐƯỜNG 54-AP	THẦN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 53-AP	44.800
112	ĐƯỜNG 55-AP	THẦN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 59-AP	44.800
113	ĐƯỜNG 63-AP	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	44.800
114	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	CUỐI ĐƯỜNG	44.800
115	ĐƯỜNG 58-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THẦN VĂN NHIẾP	44.800
116	ĐƯỜNG 59-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THẦN VĂN NHIẾP	44.800
117	ĐƯỜNG 60-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THẦN VĂN NHIẾP	44.800
118	ĐƯỜNG 61-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 53-AP	44.800
119	ĐƯỜNG 62-AP	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 54-AP	44.800
120	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
121	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	58.900
122	ĐƯỜNG 2 (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỬA), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	58.900
123	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
124	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIỀN ĐÔNG	56.700
125	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 8	42.600
126	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	44.800
127	ĐƯỜNG 7, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	42.600
128	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	56.700
129	ĐƯỜNG 9, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	40.300
130	ĐƯỜNG 10, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	49.900
131	ĐƯỜNG 11, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
132	ĐƯỜNG 12, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
133	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	51.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
134	ĐƯỜNG 14, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	42.600
135	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	51.600
136	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	51.600
137	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	39.700
138	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	36.900
139	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
140	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
141	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
142	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
143	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIẾP	CUỐI ĐƯỜNG	37.800
144	THÂN VĂN NHIẾP	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	37.800
145	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	37.800
146	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	37.800
147	ĐƯỜNG SỐ 4 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	37.800
148	ĐƯỜNG SỐ 5 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIẾP	37.800
149	ĐƯỜNG SỐ 6 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	37.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
150	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	37.800
151	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	52.200
152	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	56.700
153	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
154	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
155	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
156	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
157	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
158	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	ĐƯỜNG GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	80.500
159	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		63.000
160	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
161	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
162	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
163	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
164	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
165	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
166	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		63.000
167	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		63.000
168	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
169	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	63.000
170	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	66.500
171	ĐƯỜNG 6, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	51.600
172	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	58.900
173	ĐỒNG VĂN CÔNG	MAI CHÍ THỌ	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2	46.300
		CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	46.300
174	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG DẪN CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIẤY	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 1	46.300
		CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 1	VÕ CHÍ CÔNG	46.300
		VÕ CHÍ CÔNG	PHÀ CÁT LÁI	46.300
175	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NẢO	MAI CHÍ THỌ	57.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
176	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	55.600
177	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	55.600
178	VŨ TÔNG PHAN	NGUYỄN HOÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	55.600
179	TRẦN LỰU	VŨ TÔNG PHAN	CUỐI ĐƯỜNG	55.600
180	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	49.400
181	ĐƯỜNG SỐ 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
182	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NẢO	NGUYỄN QUÝ CẢNH	49.400
183	THÁI THUẬN	NGUYỄN QUÝ CẢNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
184	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	53.900
185	ĐƯỜNG 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
186	NGUYỄN QUÝ CẢNH	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	53.900
187	ĐƯỜNG 8A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
188	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	THÁI THUẬN	49.400
189	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	VŨ TÔNG PHAN, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	49.400
190	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	49.400
191	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
192	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	53.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
193	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
194	DƯƠNG VĂN AN	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
195	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
196	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
197	ĐƯỜNG 18A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
198	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
199	ĐƯỜNG SỐ 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	53.900
200	ĐƯỜNG SỐ 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐƯỜNG 16 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
201	ĐƯỜNG SỐ 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	48.200
202	ĐƯỜNG SỐ 24 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	49.400
203	ĐƯỜNG SỐ 25 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	49.400
204	ĐƯỜNG SỐ 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỖ PHÁP THUẬN	ĐƯỜNG 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
205	ĐƯỜNG SỐ 29 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
206	CAO ĐỨC LÂN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	NGUYỄN HOÀNG	53.900
207	ĐỖ PHÁP THUẬN	CAO ĐỨC LÂN	ĐƯỜNG 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
208	BÙI TÁ HÁN	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
209	ĐƯỜNG SỐ 31A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	47.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
210	ĐƯỜNG SỐ 31B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	53.900
211	ĐƯỜNG SỐ 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
212	ĐƯỜNG SỐ 31D (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
213	ĐƯỜNG SỐ 31E (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
214	ĐƯỜNG SỐ 31F (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	53.900
215	ĐƯỜNG SỐ 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CAO ĐỨC LÂN	TRẦN LỰU	49.400
216	ĐƯỜNG SỐ 33 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
217	ĐƯỜNG SỐ 34 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
218	ĐƯỜNG SỐ 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	49.400
219	ĐƯỜNG SỐ 36 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
220	ĐƯỜNG SỐ 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CAO ĐỨC LÂN	49.400
221	ĐƯỜNG 3,5, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	30.900
222	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	36.500
		ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
223	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	36.500
		ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
224	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.900
225	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
226	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
227	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	33.700
228	ĐƯỜNG 13,15,16 PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
229	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
230	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
231	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
232	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
233	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
		ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.900
234	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.900
235	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
236	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
237	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.900
238	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.900
239	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
240	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
241	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
242	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
243	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	32.300
244	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIỆM	32.300
		KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
245	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
246	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	31.600
247	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
248	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.300
249	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
250	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN ĐỖN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	26.000
251	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	29.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
252	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	36.100
253	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
254	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
255	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.800
256	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	37.900
257	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
258	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	42.100
259	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
260	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	37.900
261	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	37.900
262	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐỖ XUÂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	37.900
263	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
264	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
265	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
266	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	37.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
267	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG - CTY SÀI GÒN MÙA XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.500
268	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), P. BÌNH TRƯNG ĐÔNG, P. BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	46.300
269	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	43.500
270	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	43.500
271	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	43.500
272	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	37.900
273	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG BÌNH TRƯNG, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG - CÁT LÁI	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	33.700
		HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	33.700
		ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	29.500
274	ĐƯỜNG BÌNH TRƯNG, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG - CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	36.100
275	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	20.800
276	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	BÁT NÀN	38.800
277	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	28.100
278	ĐƯỜNG 53-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	35.100
279	BÁT NÀN	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
280	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
281	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	36.500
282	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	ĐƯỜNG 47-BTT	ĐƯỜNG 53-BTT	35.100
283	ĐƯỜNG 47-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	35.100
284	ĐƯỜNG 48-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	35.100
285	ĐƯỜNG 49-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	35.100
286	ĐƯỜNG 50-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	35.100
287	ĐƯỜNG 51-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	35.100
288	ĐƯỜNG 52-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	35.100
289	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		20.800
290	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
291	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
		ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
292	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
293	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	36.500
294	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
295	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIÔNG ÔNG TỐ	30.900
296	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	28.100
297	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
298	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	28.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
299	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	28.100
300	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
301	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	30.900
302	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
303	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	26.000
304	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ HỮU KIỀU	28.100
305	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN TƯ NGHIỆM	30.900
306	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
307	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
308	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	30.900
309	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900
310	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	NGUYỄN DUY TRINH	28.100
311	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
312	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	28.100
313	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	30.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
314	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	36.500
315	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	24.600
316	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
317	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
318	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	28.100
319	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	30.900
320	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
321	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	26.000
322	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	26.000
323	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	40.200
324	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIỒNG ÔNG TÔ 1	CẦU XÂY DỰNG	46.300
325	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TUYẾN	34.000
326	NGUYỄN TUYẾN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
327	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	37.800
328	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	37.800
329	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		30.300
330	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	25.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
331	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	34.500
332	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐỒNG VĂN CỐNG	THÍCH MẬT THỀ	31.200
333	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	34.500
334	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỒNG VĂN CỐNG	31.200
335	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	25.600
336	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
337	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	29.300
338	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
339	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
340	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
341	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
342	THẠNH MỸ LỢI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	34.500
343	THÍCH MẬT THỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	ĐỒNG VĂN CỐNG	36.900
344	TRỊNH KHẮC LẬP, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỒNG VĂN CỐNG	38.600
345	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	27.900
346	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
347	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	30.300
348	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	30.300
349	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
350	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
351	ĐƯỜNG 12,13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		26.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
352	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	33.300
353	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	33.300
354	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	35.400
355	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	31.900
356	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NƠI DÀI	27.900
357	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	26.000
358	LÊ PHỤNG HIẾU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CẢNG CÁT LÁI	26.000
359	LÊ VĂN THỊNH NƠI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÊ VĂN THỊNH - ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	35.400
360	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	33.300
361	NGUYỄN ĐÔN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG - CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		28.100
362	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	40.000
363	ĐƯỜNG 52-TML	BÁT NÀN	LÊ HIẾN MAI	46.500
364	ĐƯỜNG 54-TML	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CỐNG	46.500
365	ĐƯỜNG 55-TML	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	46.500
366	ĐƯỜNG 56-TML	ĐƯỜNG 52-TML	CUỐI ĐƯỜNG	46.500
367	ĐƯỜNG 57-TML	ĐƯỜNG 52-TML	ĐÔNG VĂN CỐNG	46.500
368	ĐƯỜNG 58-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	47.600
369	ĐƯỜNG 59-TML	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600

22

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
370	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		46.500
371	ĐƯỜNG 60-TML	LÊ HIỂN MAI	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
372	ĐƯỜNG 61-TML	ĐƯỜNG 62-TML	ĐƯỜNG 60-TML	46.500
373	ĐƯỜNG 68-TML	TRỌN ĐƯỜNG		46.500
374	ĐƯỜNG 62-TML	NGUYỄN THANH SƠN	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
375	ĐƯỜNG 64-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	47.600
376	ĐƯỜNG 67-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	44.800
377	ĐƯỜNG 69-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	46.500
378	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M – KDC CÁT LÁI 152,92HA	TRỌN ĐƯỜNG		27.200
379	ĐƯỜNG 43-CL	ĐƯỜNG 71-CL	ĐƯỜNG 69-CL	32.900
380	ĐƯỜNG 57-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	24.600
381	ĐƯỜNG 60-CL	TRỌN ĐƯỜNG		30.600
382	ĐƯỜNG 65-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	30.600
383	ĐƯỜNG 66-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	29.500
384	ĐƯỜNG 69-CL	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
385	ĐƯỜNG 70-CL	ĐƯỜNG 57-CL	DỰ ÁN CÔNG TY CP XD SÀI GÒN	32.900
386	MAI CHÍ THỌ	HÀM SÔNG SÀI GÒN	NÚT GIAO CÁT LÁI - XA LỘ HÀ NỘI	92.400
387	ĐƯỜNG 10A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
388	ĐƯỜNG SỐ 12A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
389	ĐƯỜNG SỐ 27A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 26 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
390	ĐƯỜNG SỐ 43-BTT	LÊ VĂN THỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.100
391	ĐƯỜNG SỐ 44-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		30.500
392	ĐƯỜNG SỐ 45-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		30.500
393	PHAN VĂN ĐÁNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	54.500
394	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	54.500
395	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÊ HỮU KIỀU	CUỐI ĐƯỜNG	54.500
396	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	BÁT NÀN	CUỐI ĐƯỜNG	54.500
397	NGUYỄN THANH SƠN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	54.500
398	LÊ HIỀN MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	54.500
399	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	54.500
400	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 103-TML	54.500
401	NGUYỄN ĐỊA LỖ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
402	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	54.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
403	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐỒNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	54.500
404	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
405	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
406	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	ĐỒNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	54.500
407	NGUYỄN QUANG BẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
408	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	54.500
409	PHẠM THẬN DUẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	44.800
410	PHẠM CÔNG TRÚ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
411	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRÚ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	44.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
412	PHẠM ĐÓN LỄ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	44.800
413	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
414	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
415	QUÁCH GIAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
416	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
417	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	28.100
418	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỖ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
419	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỖ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
420	ĐƯỜNG 41-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
421	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
422	ĐƯỜNG 43-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
423	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
424	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
425	ĐƯỜNG 46-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
426	ĐƯỜNG 47-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
427	ĐƯỜNG 48-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	34.600
428	ĐƯỜNG 49-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
429	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
430	ĐƯỜNG TRONG DỰ ÁN CÔNG TY CARIC	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
431	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	37.900
432	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		37.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
433	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
434	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.800
435	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
436	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	35.800
437	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	42.100
438	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		42.100
439	ĐƯỜNG 46-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		32.300
440	VÕ CHÍ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ MỸ	46.300
441	ĐƯỜNG 53-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HÀ ĐO)	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
442	ĐƯỜNG 63-TML (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
443	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
444	ĐƯỜNG 66-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	47.600
445	ĐƯỜNG 70-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	47.600
446	ĐƯỜNG 71-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIỆM)	47.600
447	ĐƯỜNG 72-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	47.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
448	ĐƯỜNG 73-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	47.600
449	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	47.600
450	ĐƯỜNG 75-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐÁ BÌNH DƯƠNG)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
451	ĐƯỜNG 76-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	47.600
452	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	47.600
453	ĐƯỜNG 78-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐỒNG VĂN CỎNG	47.600
454	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
455	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	CUỐI ĐƯỜNG	47.600
456	ĐƯỜNG 81-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
457	ĐƯỜNG 82-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
458	ĐƯỜNG 83-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
459	ĐƯỜNG 84-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
460	ĐƯỜNG 85-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
461	ĐƯỜNG 86-TML (DỰ ÁN CÔNG TY QUANG TRUNG)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	47.600
462	ĐƯỜNG 87-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	47.600
463	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	47.600
464	ĐƯỜNG 89-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
465	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	47.600
466	ĐƯỜNG 91-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SŨ HỶ NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
467	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	47.600
468	ĐƯỜNG 93-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	47.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
469	ĐƯỜNG 94-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
470	ĐƯỜNG 95-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
471	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
472	ĐƯỜNG 97-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
473	ĐƯỜNG 98-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	47.600
474	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	CUỐI ĐƯỜNG	47.600
475	ĐƯỜNG 100-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
476	ĐƯỜNG 101-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	47.600
477	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	47.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
478	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	BÁT NÀN	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	54.500
479	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
480	ĐƯỜNG 31-CL (ĐƯỜNG N1- KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	26.100
481	ĐƯỜNG 33-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	26.100
482	ĐƯỜNG 34-CL	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
483	ĐƯỜNG 35-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 66-CL	31.800
484	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M ĐẾN 12M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		27.800
485	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 14M ĐẾN 18M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		26.100
486	ĐƯỜNG N4, D4, D5 - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		26.100
487	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M ĐẾN 12M - (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
488	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M - (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỦA), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
489	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	51.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
490	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	51.000
491	ĐƯỜNG D (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	51.000
492	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
493	ĐƯỜNG 43 (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
494	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU A - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
495	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	51.600
496	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 12M (KHU B VÀ KHU C - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
497	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	34.600
498	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
499	ĐƯỜNG M (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	34.600
500	ĐƯỜNG R (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỔ XUÂN HỢP	34.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
501	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	34.600
502	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	34.600
503	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M - 12M (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		34.600
504	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 10M (KHU TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3 THUỘC KHU 30HA NAM RẠCH CHIẾC), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		42.700
505	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU LIÊN HỢP TĐTT RẠCH CHIẾC	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	57.800
506	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.900
507	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	33.700
508	HỒ THỊ NHUNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	46.300
509	ĐƯỜNG 45 (KHU DÂN CƯ LAN ANH), PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
510	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	XUÂN THỦY	49.900
511	AN TỬ CÔNG CHÙA	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHÍ THỌ	76.600
512	LƯU ĐÌNH LỄ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHÍ THỌ	76.600
513	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 38,4HA, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
514	ĐƯỜNG BẮC NAM III, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	52.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
515	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		53.200
516	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		46.900
517	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		46.900
518	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	47.600
519	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	47.600
520	ĐƯỜNG SONG HÀNH HƯỚNG NAM ĐƯỜNG CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIẦY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỒ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG-AN PHÚ	43.100
521	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN 4,8HA CÔNG TY PHÚ NHUẬN - 87HA, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
522	ĐƯỜNG 46-CL	ĐƯỜNG 69-CL	ĐƯỜNG 60-CL	34.900
523	ĐƯỜNG 71-CL	TRỌN ĐƯỜNG		28.300
524	ĐƯỜNG 71A-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THỦ THIÊM)	47.600
525	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 143HA, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
526	TINH THIỀU	DƯƠNG THANH	PHẠM VĂN NGÔN	73.700
527	BẠCH ĐỒNG ÔN	LƯƠNG ĐÌNH CỬA	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	73.700
528	PHẠM VĂN NGÔN	AN TƯ CÔNG CHỨA	CUỐI ĐƯỜNG	73.700
529	DƯƠNG THANH	AN TƯ CÔNG CHỨA	BẠCH ĐỒNG ÔN	73.700
530	DƯƠNG LÂM	AN TƯ CÔNG CHỨA	CẦU ÔNG TRẠNH 2	73.700
531	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	LƯU ĐÌNH LỄ	BẠCH ĐỒNG ÔN	73.700
532	ĐẶNG BÌNH THÀNH	AN TƯ CÔNG CHỨA	LƯU ĐÌNH LỄ	73.700

33

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
533	TRẦN BẠCH ĐĂNG	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	NÚT GIAO ĐƯỜNG BÙI THIÊN NGỘ VÀ ĐƯỜNG TỎ HỮU	206.500
534	TỎ HỮU	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG VÀ ĐƯỜNG BÙI THIÊN NGỘ	206.500
535	NGUYỄN THIÊN THÀNH	TRẦN BẠCH ĐĂNG	NÚT GIAO ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG, ĐƯỜNG TỎ HỮU	206.500
536	NGUYỄN CƠ THẠCH	CẦU THỦ THIÊM 1	BÙI THIÊN NGỘ	206.500
537	HOÀNG THẾ THIỆN	NGUYỄN CƠ THẠCH	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
538	ĐƯỜNG N1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG R7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
539	ĐƯỜNG D1, ĐƯỜNG R5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	114.100
540	ĐƯỜNG D9, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	NGUYỄN CƠ THẠCH	HOÀNG THẾ THIỆN	114.100
541	ĐƯỜNG D8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	114.100
542	ĐƯỜNG D7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N13, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
543	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	MAI CHÍ THỌ	114.100
544	ĐƯỜNG D5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
545	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		114.100
546	ĐƯỜNG D3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
547	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	BÙI THIÊN NGỘ	114.100
548	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	114.100
549	ĐƯỜNG B2, B8, B10, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
550	ĐƯỜNG B4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
551	ĐƯỜNG SỐ 10, ĐƯỜNG N2, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
552	ĐƯỜNG B6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
553	ĐƯỜNG B12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	BÙI THIÊN NGỘ	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
554	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	114.100
555	ĐƯỜNG SỐ 7, ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIÊN NGỘ	114.100
556	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIÊN NGỘ	114.100
557	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI KHU TRONG KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		114.100
558	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10m KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		37.800
559	ĐƯỜNG NỘI BỘ 22,6M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		53.200
560	ĐƯỜNG NỘI BỘ 24M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		55.300
561	ĐƯỜNG NỘI BỘ 30M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		63.000
II	QUẬN 9 (CŨ)			
562	BÙI QUỐC KHÁI	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
563	BỤNG ÔNG THOÀN	NGUYỄN DUY TRINH	ĐÌNH PHONG PHÚ	31.800
564	CẦU DÌNH	LONG PHƯỚC	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	17.600
565	CẦU XÂY	ĐẦU TUYẾN (HOÀNG HỮU NAM)	CUỐI TUYẾN NAM CAO	35.100
566	CẦU XÂY 2	ĐẦU TUYẾN NAM CAO	CUỐI TUYẾN (CẦU XÂY 1)	39.200
567	DÂN CHỦ, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY BỘT GIẶT VISO	37.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
568	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	ĐỒ XUÂN HỢP	NGÃ 3 BUNG ÔNG THOÀN	39.700
569	ĐẠI LỘ 2, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
570	ĐẠI LỘ 3, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
571	ĐÌNH PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
572	ĐỒ XUÂN HỢP	NGÃ 4 BÌNH THÁI CẦU NĂM LÝ	CẦU NĂM LÝ NGUYỄN DUY TRINH	46.300 46.300
573	ĐƯỜNG 100A (ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 6 CŨ), PHƯỜNG TÂN PHÚ	CẦU XÂY	ĐƯỜNG 671	31.800
574	ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 1,	QUỐC LỘ 1A CÓNG 1 SUỐI TIỀN	CÓNG 1 SUỐI TIỀN NAM CAO	31.800 28.600
575	ĐƯỜNG 109, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
576	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG LONG THÀNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	25.600
577	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯỞNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG 8	34.000
578	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG 11	34.000
579	ĐƯỜNG 1-20, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.100
580	ĐƯỜNG 120, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
581	ĐƯỜNG 138, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	31.800
582	ĐƯỜNG 144, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	31.800
583	ĐƯỜNG 147, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
584	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG LONG THÀNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
585	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	24.900
586	ĐƯỜNG 160, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
587	ĐƯỜNG 179, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
588	ĐƯỜNG 185, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
589	ĐƯỜNG 18A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 9	35.100
590	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐẠI LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 6D	35.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
591	ĐƯỜNG 197, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
592	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.100
593	ĐƯỜNG 215, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
594	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
595	ĐƯỜNG 22-25, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.100
596	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	24.200
597	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
598	ĐƯỜNG 245, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
599	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	19.900
600	ĐƯỜNG 297, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
601	ĐƯỜNG 339, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
602	ĐƯỜNG 359, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	25.600
603	ĐƯỜNG 400, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1	HOÀNG HỮU NAM	39.100
604	ĐƯỜNG 442, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	LÃ XUÂN OAI	34.000
605	ĐƯỜNG 475, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
606	ĐƯỜNG TRẦN THỊ ĐIỀU, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TĂNG NHƠN PHÚ		39.100
		TRỌN ĐƯỜNG	NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	39.100
607	ĐƯỜNG 671, PHƯỜNG TÂN PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
608	ĐƯỜNG 6A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG 18B	35.100
609	ĐƯỜNG 6B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	35.100
610	ĐƯỜNG 6C, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	35.100
611	ĐƯỜNG 6D, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG SỐ 21	35.100
612	ĐƯỜNG 79, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
613	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ TƯ	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
614	ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		38.600
615	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		39.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
616	HỒ THỊ TƯ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYỀN	63.500
617	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.200
618	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	NGUYỄN XIÊN	24.900
619	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG BÌNH	LONG SƠN	CUỐI ĐƯỜNG	26.500
620	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
621	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TAM ĐA	SÔNG TẮC	27.200
622	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 11	22.800
623	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
624	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	24.900
625	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	24.900
626	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	HOÀNG HỮU NAM	35.100
627	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
628	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.200
629	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHON PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐÌNH PHONG PHÚ	25.600
630	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
631	ĐƯỜNG SỐ 207, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
632	ĐƯỜNG SỐ 236, PHƯỜNG TĂNG NHON PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
633	ĐƯỜNG SỐ 265, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	MAN THIÊN	37.500
634	ĐƯỜNG SỐ 275, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	37.500
635	ĐƯỜNG SỐ 311, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	37.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
636	ĐƯỜNG SỐ 379, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
637	ĐƯỜNG SỐ 385, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
638	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
639	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
640	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	SÔNG ĐỒNG NAI	23.200
641	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 22, ĐƯỜNG SỐ 6 (Thửa 11,12 tờ bản đồ số 7)	27.200
642	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	DỰ ÁN ĐỒNG TĂNG LONG	23.200
643	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
644	ĐƯỜNG SỐ 68, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYÊN	39.100
645	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	27.200
646	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	25.600
647	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
648	ĐƯỜNG SỐ 85, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	TÂN LẬP I	39.100
649	ĐƯỜNG SỐ 904, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	QUỐC LỘ 22	TÂN HOÀ II	63.500
650	ĐƯỜNG TỔ I KHU PHỐ LONG HÒA	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
651	GÒ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		31.800
652	GÒ NỎI	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
653	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		39.100
654	HÀNG TRE	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	33.500
655	HỒ BÀ PHẢN	TÂY HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	39.100
656	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		39.100
657	HỒNG SÉN	ĐẦU TUYẾN (BÙI QUỐC KHÁI)	CUỐI ĐƯỜNG (ĐƯỜNG 24)	25.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
658	HUỶNH THỨC KHÁNG	NGÕ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	37.500
659	ÍCH THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	35.100
660	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	NGÕ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	39.100
661	LÃ XUÂN OAI	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CẦU TĂNG LONG	43.700
		CẦU TĂNG LONG	NGÃ BA LONG TRƯỜNG	41.900
662	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
663	LÊ VĂN VIỆT	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	86.700
		NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	CẦU BÊN NỌC	66.800
		CẦU BÊN NỌC	NGÃ 3 MỸ THÀNH	51.400
664	LÒ LU	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	39.100
665	LONG PHƯỚC	CẦU LONG ĐẠI	CUỐI ĐƯỜNG	29.500
666	LONG SƠN	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	29.600
667	LONG THUẬN	NGÃ 3 LONG THUẬN	LONG PHƯỚC	29.500
668	MẠC HIẾN TÍCH - PHƯỜNG LONG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		23.200
669	MAN THIÊN	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
670	NAM CAO	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
671	NAM HÒA	TÂY HÒA	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	39.100
672	NGÕ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		39.100
673	NGUYỄN CÔNG TRỨ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN HƯNG ĐẠO - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	37.500
674	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU XÂY DỰNG	NGÃ 3 LONG THUẬN	41.400
675	NGUYỄN THÁI HỌC - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN QUỐC TOẢN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	37.500
676	NGUYỄN VĂN TĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
677	NGUYỄN VĂN THANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	BÙI QUỐC KHÁI	25.600
678	NGUYỄN XIÊN	NGÃ 3 LONG THUẬN	CUỐI ĐƯỜNG	39.600
679	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
680	PHAN ĐẠT ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
681	PHAN ĐÌNH PHÙNG	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	37.500
682	PHƯỚC THIÊN - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
683	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
684	QUANG TRUNG (NÓI DÀI)	ĐƯỜNG 12	CUỐI TUYẾN	63.500
685	TAM ĐA	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU HAI TỶ	33.900
		CẦU HAI TỶ	RẠCH MƯƠNG	30.600
		RẠCH MƯƠNG	SÔNG TẮC (ĐOẠN THEO HƯỚNG TUYẾN MỚI)	27.800
686	TÂN HOÀ II	TRƯƠNG VĂN THÀNH	MAN THIÊN	48.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
687	TÂN LẬP I, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	QUỐC LỘ 50	63.500
688	TÂN LẬP II	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
689	TẦNG NHƠN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		38.600
690	TÂY HOÀ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐỖ XUÂN HỢP	44.200
691	TRẦN HƯNG ĐẠO	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	39.100
692	TRẦN QUỐC TOÀN	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	37.500
693	TRẦN TRỌNG KHIÊM - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
694	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		39.100
695	TRƯƠNG HANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
696	TRƯỜNG LƯU	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	35.100
697	TRƯƠNG VĂN HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		39.100
698	TRƯƠNG VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		63.500
699	TÚ XƯƠNG	PHAN CHU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	37.500
700	VÕ VĂN HÁT	TRỌN ĐƯỜNG		30.600
701	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CẦU RẠCH CHIẾC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	45.400
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	40.800
702	VÕ CHÍ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ HỮU	39.700
703	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	22.100
704	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	NHÀ SỐ 20 (THỪA 30, TỜ 06)	22.100
705	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	NHÀ SỐ 48 (THỪA 04, TỜ 07)	22.100
706	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
707	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
708	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
709	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
710	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
711	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
712	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
713	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
714	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
715	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
716	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
717	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
718	ĐƯỜNG SỐ 295, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	31.800
719	ĐƯỜNG SỐ 319, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	31.800
720	ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	PHƯỜNG HIỆP PHÚ	34.000
721	ĐƯỜNG 106, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	MAN THIỆN	ĐƯỜNG 379	32.300
722	ĐƯỜNG 429, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG 385	34.000
723	ĐƯỜNG 441, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
724	ĐƯỜNG 447, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
725	ĐƯỜNG 448, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
726	ĐƯỜNG 449, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
727	ĐƯỜNG 455, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
728	ĐƯỜNG 591, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
729	ĐƯỜNG 102, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
730	ĐƯỜNG 182, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
731	ĐƯỜNG 494, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	HẸM SỐ 32	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	32.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
732	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
733	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	25.600
734	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	CUỐI ĐƯỜNG	24.400
735	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	25.600
736	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TĂNG NHƠN PHÚ	ĐÌNH PHONG PHÚ	32.300
737	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	24.400
738	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	24.400
739	ĐƯỜNG SỐ 96, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRƯƠNG VĂN THÀNH	TÂN HÒA 2	23.800
740	ĐƯỜNG SỐ 147, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP II	XA LỘ HÀ NỘI	37.500
741	TỰ DO, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	DÂN CHỦ	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
742	ĐƯỜNG D1, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	63.500
743	ĐƯỜNG SỐ 77, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP I	TÂN LẬP II	38.600
744	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		23.200
745	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		24.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
746	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		26.700
747	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		29.000
748	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 30M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		36.000
749	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở CBCNV TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ BÁN CÔNG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		23.300
750	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ AN VIỆT, PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
751	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ MẠNH THIỆN 3	TRỌN ĐƯỜNG		39.900
752	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KHANG ĐIỀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		39.200
753	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KIẾN Á, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		39.200
754	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		25.900
755	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
756	ĐƯỜNG NỘI BỘ 15M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		26.600
757	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		30.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
758	ĐƯỜNG NỘI BỘ 40M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		51.800
759	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
760	ĐƯỜNG NỘI BỘ 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		24.500
761	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		26.600
762	ĐƯỜNG NỘI BỘ 31M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		32.900
763	ĐƯỜNG NỘI BỘ DƯỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		31.500
764	ĐƯỜNG NỘI BỘ 18M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.000
III	QUẬN THỦ ĐỨC (CŨ)			-
765	(ĐƯỜNG SỐ 5) BÀ GIANG	QUỐC LỘ 1K	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	25.600
766	BÌNH CHIẾU	TỈNH LỘ 43	RANH QUẬN ĐOÀN 4	34.000
767	BỒI HOÀN (ĐƯỜNG SỐ 14)	LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	30.000
768	CÂY KEO	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
769	CHƯƠNG DƯƠNG	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	39.100
770	ĐẶNG THỊ RÀNH	DƯƠNG VĂN CAM	TÔ NGỌC VÂN	41.400
771	ĐẶNG VĂN BÌ	VÕ VĂN NGÂN	NGUYỄN VĂN BÀ	45.400
772	ĐÀO TRINH NHẬT (ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LINH TÂY)	KHA VẠN CÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	49.400
773	ĐOÀN CÔNG HỚN	NGÃ BA HỒ VĂN TU	VÕ VĂN NGÂN	43.100
774	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.100
775	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.100
776	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	30.600
777	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	30.600
778	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG ĐIỀU 2	VÕ VĂN NGÂN	42.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
779	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CÂN	21.600
780	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
781	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LINH ĐÔNG - TAM PHÚ	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.900
782	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
783	ĐƯỜNG SỐ 36 (BẾN ĐÒ), PHƯỜNG LINH ĐÔNG	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	32.300
784	ĐƯỜNG SỐ 4 (LINH TÂY), PHƯỜNG LINH TÂY	NGÃ BA NGUYỄN VĂN LỊCH	CUỐI ĐƯỜNG	26.700
785	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
786	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
787	ĐƯỜNG SỐ 2 (PHƯỜNG LINH TRUNG)	QUỐC LỘ 1	PHẠM VĂN ĐÔNG	32.300
788	ĐƯỜNG SỐ 3- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	23.800
789	ĐƯỜNG SỐ 4- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	26.100
790	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	ĐƯỜNG SỐ 7	25.600
791	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	32.300

792	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	24.900
793	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 7	24.900
794	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH TRUNG	LÊ VĂN CHÍ	ĐƯỜNG SỐ 17	36.900
795	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	32.900
796	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	32.900
797	ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 3 (ĐƯỜNG CHỮ U), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
798	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
799	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 8 (HIỆP XUÂN)	23.200
800	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11 (TRƯỜNG TRE)	23.200
801	ĐƯỜNG SỐ 8, (ĐƯỜNG XUÂN HIỆP), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	25.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
802	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11	23.200
803	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 8	HÈM 42 ĐƯỜNG 10	23.200
804	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 5 (BÀ GIANG)	CUỐI ĐƯỜNG	23.200
805	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
806	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
807	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG TAM BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 11	CHÙA QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN	25.600
808	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
809	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	25.800
810	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	25.800
811	ĐƯỜNG BÌNH PHÚ, PHƯỜNG TAM PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
812	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ NỘI)	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
813	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐẶNG VĂN BI	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
814	ĐƯỜNG SỐ 8 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	25.600
815	ĐƯỜNG SỐ 9 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	25.600
816	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	28.900
		CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	ĐƯỜNG TRƯỜNG THỌ	25.600
817	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
818	ĐƯỜNG SỐ 11, (TRƯỜNG TRE)	NGÃ BA ĐƯỜNG BÀ GIANG	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	25.600
819	DÂN CHỦ PHƯỜNG BÌNH THỌ	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	51.000
820	DƯƠNG VĂN CAM	KHA VẠN CĂN	PHẠM VĂN ĐÔNG	41.400
821	GÒ DỪA (HƯỚNG LỘ 25 PHƯỜNG TAM BÌNH)	QUỐC LỘ 1	CHÂN CẦU VƯỢT GÒ DỪA	35.700
		CHÂN CẦU VƯỢT GÒ DỪA	QUỐC LỘ 1 (CHÂN CẦU VƯỢT BÌNH PHƯỚC)	30.000
822	HIỆP BÌNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	QUỐC LỘ 13	45.400
823	HỒ VĂN TƯ	NGÃ BA KHA VẠN CĂN	ĐƯỜNG SỐ 10	43.100
		ĐƯỜNG SỐ 10	CUỐI ĐƯỜNG	41.400
824	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CĂN	LÊ VĂN CHỈ	46.500

(Xem tiếp Công báo số 419 + 420)